

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN
THANH CẢNH QUÁN THỂ ÂM
ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI KINH

Biên Dịch: Huyền Thanh

---o0o---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 18 – 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

[Link Audio Tai Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Giới Thiệu

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Lời Giới Thiệu

THANH CẢNH QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT

THANH CẢNH QUÁN THỂ ÂM BỒ TÁT có tên Phạn là NILAKANĪTĪHA trong đó NILA là màu xanh, KANĪTĪHA là cái cổ. Như vậy NILAKANĪTĪHA có nghĩa là cái cổ màu xanh nên gọi là THANH CẢNH. Một số bản truyền thừa dịch âm tên này là : Na La Giản Đà, Ni La Kiến Tha, Nễ La Cẩn Trì, Nễ La Kiến Thế, Na La Cẩn Trì, hoặc ghi nhận tên Phạn là: Nilaghace, Arya Nilaghace, Nilakanītihi, Nalakiddhi ...

Theo truyền thống Mật Giáo thì Tôn này vì muốn dứt trừ mọi sự sợ hãi, oán nạn cho tất cả chúng sinh nên đã ăn nuốt tất cả chất độc, mọi loại bất thiện uế ác ... gom tụ ở cổ mà có cái cổ màu xanh. Do đây mới có tên là Thanh Cảnh. Truyền thống này cũng tương đồng với truyện tích thần thoại cổ xưa của Ấn Độ về VISĪNĪU Thượng Đế.

Căn cứ vào Ca Lô La Vĩ Sa pháp thì Ma Hê Thủ La (Mahe'svara) có 3 mắt, tên cổ hiện màu xanh, toàn thân có 18 tay nên được xem là tương đồng với Tôn này.

Theo Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La thì Thanh Cảnh Quán Âm có vị trí trong Viện Quan Âm và là một trong 4 Vị Đa La Tôn tu trì thành tựu pháp Quán Âm đồng thời biểu thị cho công đức nội chứng của Quán TỰ Tại Bồ Tát.

Theo Mật Giáo Trung Hoa, do Đức Quán Tự Tại Vương Như Lai tu hành pháp yếu LIÊN HOA ĐẠT MA (PADMA DHARMA – Liên Hoa Pháp) nên Đức Phật A Di Đà có biệt hiệu là THANH CẢNH.

(HÌNH TƯỢNG: có 3 loại là 2 tay, 4 tay, 1000 mắt 1000 tay.

- Quyển Sách Kinh 9 ghi là: Thanh Cảnh Quán Thế Âm có tay trái cầm hoa sen, tay phải dương chuông, ngồi kiết già.

- Khẩu Quyết ghi là: như Thánh Quán Âm chỉ có cái cổ màu xanh, hiện 1000 mắt 1000 tay (Do Tôn tượng này mà Thanh Cảnh Quán Âm còn được tôn xưng là Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Âm).

- Thanh Cảnh Nghi Quỹ ghi là: Màu trắng có 3 mặt. Mặt chính có dung mạo từ bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mào báu, trong mào có Vị Hóa Vô Lượng Thọ Phật. Toàn thân có 4 tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm hoa sen. Bên trái: tay thứ nhất cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm vỏ ốc (Loa). Dùng da cọp là quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng con rắn đen làm Thần tuyến. Ngồi trên hoa sen tám cánh. Anh lạc, vòng xuyên tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thần tuyến từ bắp tay trái rũ xuống.

(Tôn này có chủng tử là HRÌHĪ (𧑦) hay SA (𧑦) hoặc SAHĪ (𧑦)

(Tam muội gia hình là Hoa sen xanh mới nở hoặc bánh xe.

(ÁN QUYẾT:

1) BÍ MẬT ÁN: 2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa cái chéo nhau bên ngoài. Dựng 2 ngón trỏ chạm đầu nhau như cánh sen. Dựng 2 ngón cái song song như cây phượng (Án này còn có tên là NGOẠI PHỘC THANH LIÊN ÁN).

Chân ngôn là:

OMĪ PADME NĪLAKANĪTĪHI JVALA BHRÙ BHRÙ HÙMĪ .

2) Chắp 2 tay lại giữa rỗng, có 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. 2 ngón trỏ đều nắm lỏng trên của 2 ngón cái. 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út hơi co đầu ngón chạm nhau. Chân ngôn như trên.

3) Hai tay kết Kim Cương Phộc. 2 ngón giữa như cây phượng. Chân ngôn là:

OMĪ LOKE JVALA RÀJA HRÌHĪ

4) THANH CẢNH ẨN: 2 tay cài chéo nhau bên ngoài. Rút ngón cái trái vào lòng chưởng, duỗi thẳng ngón cái phải. 2 ngón giữa làm hình cánh sen. Duỗi thẳng 2 ngón vô danh. 2 ngón út (trái đề phải) cùng cài chặc nhau. Chân ngón là THANH CẢNH QUÁN Ự TẠI BỒ TÁT TÂM ĐÀ LA NI.

5) THANH CẢNH ĐẠI BI TÂM ẨN: Chắp 2 tay lại giữa rỗng. Co 2 ngón trỏ đều móc lỏng thứ hai của ngón cái (Đây là Loa Pháp). Dựng hợp 2 ngón giữa (Đây là Hoa sen). Dựng 2 ngón vô danh nghiêm tròn trịa (Đây là Bánh xe). Dựng hợp 2 ngón út (Đây là cây gậy). Nơi Một Ẩn có đủ 4 Ẩn là : Pháp Loa, Liên Hoa, Luân, Trượng vậy. Chân ngón là THANH CẢNH ĐẠI BI TÂM CHÚ.

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Đại Bi Tâm Đà La Ni (Mahà Kàrunīka citta Dhàranī) là bài Chú căn bản minh họa Công Đức Nội Chứng của Đức Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokite'svara Bodhisatva) Bài Chú này có các tên gọi là : Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni... và thường gọi tắt là Chú Đại Bi

Theo Kinh Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni do Ngài Già Phạm Đạt Ma (Bhagavad_Dharma) dịch thì bài Chú Đại Bi có 9 tên gọi là :

- 1) Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni
- 2) Vô Ngại Đại Bi Đà La Ni
- 3) Cứu Khổ Đà La Ni
- 4) Diên Thọ Đà La Ni
- 5) Diệt Ác Thú Đà La Ni
- 6) Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni
- 7) Mãn Nguyện Đà La Ni
- 8) Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni
- 9) Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni

Nếu dựa vào Truyền Thống phổ thông thì Bài Chú Đại Bi này thường được xưng tán là Tâm Chú (Citta Mantra) của Đức Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng theo Truyền Thống Mật Giáo, hầu hết các bài Đà La Ni của các vị Quán Âm đều được xưng tán là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Do vậy các Giáo Đồ Phật Giáo thường ngộ nhận bài Chú của Tôn này với Tôn khác.

Theo sự khảo cứu của chúng tôi thì bài Chú Đại Bi thường dùng chính là Tâm Chú của Đức Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát (Nilakanīṭha Avalokite'svara Bodhisatva) và được lưu truyền dưới 2 dạng là bản dài với bản ngắn

1) Bản dài (Quảng Bản) được ghi nhận qua các bài : Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni (Ngài Bất Không dịch) Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Nễ La Kiến Tha Đà La Ni (Ngài Kim Cương Trí dịch) Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Chỉ Không dịch) Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Chú (Ngài Kim Cương Trí dịch)

2) Bản ngắn (Lược Bản) được ghi nhận qua các bài : Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Tự Tại Vương Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Tự Tại Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Bất Không dịch) Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Bất Không dịch) Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch)

Do các bản Chú Văn có nhiều loại phiên dịch nên chương cú cũng dựa theo các Kinh Văn mà có sự khác biệt kể cả số lượng câu và Phạm Ngữ.

Nay với ước nguyện góp chút công sức cho sự tham cứu của Phật Tử Việt Nam, tôi cố gắng phiên dịch các kinh bản có liên quan đến bài Chú Đại Bi (Ngoại trừ kinh bản của Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch mà Thầy THÍCH THIÊN TÂM đã dịch) và mạo muội phục hồi lại nghĩa ngữ của Quảng Bản với Lược Bản. Điều không thể tránh được là các bản dịch này vẫn còn sự khiếm khuyết, ngưỡng mong chư vị cao tăng Đại Đức, các bậc Long Tượng của Mật Giáo hãy rừ lòng Từ Bi chỉ bảo và sửa chữa giùm cho các bản dịch được hoàn chỉnh hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (Nguyễn Vũ Nhan) Thân Mẫu (Vũ Thị Ni) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy Pháp Quang ,Thầy Thích Quảng Trí , Sư Cô Như Hạnh là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm tạ anh Nguyễn Đình Tạc , chị Nguyễn Thị Mộng Hương , cháu Nguyễn Thị Mộng Trâm đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điền.

Tôi xin chân thành cảm ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (Vũ Thị Thanh Hà) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con, các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Cuối mùa Thu năm Bính Tuất (2006)

Huyền Thanh (Nguyễn Vũ Tài) kính ghi

Mật Tạng Bộ 03. No 1061 (Tr.112 (Tr.113)

THIÊN THỦ THIÊN NHÂN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ
NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

CHÚ BẢN

Một Quyển

Hán dịch : Đồi Đường - Đại Hoằng Giáo – Tam Tạng Sa Môn KIM CƯƠNG TRÍ phụng
chiếu dịch.

Việt dịch : HUYỀN THANH

1. Năng mộ la đất-năng đất-la dạ đã
2. Năng mạc a li-dạ
3. Phộc chi đế thấp-phộc la gia
4. Mạo địa tát đất-phộc gia
5. Mãng hạ tát đất-phộc gia
6. Mãng hạ ca lỗ nĩnh ca gia

7. Tát ma mǎn ðà nǎng
8. Chí ná nǎng ca la gia
9. Tát ma bà phộc
10. Sa mǎu nại-lǎng tạc sái noa ca la gia
11. Tát ma di-dạ ðịa
12. Bả-la xả mǎng nǎng ca la gia
13. Tát mê ðể ða-dữu bả nại-la phộc
14. Vĩ na xả nǎng ca la gia
15. Tát bà ma duệ số
16. Đát-la noa ca la gia
17. Đả tư-mai nǎng mǎng tư-cát-lị ða-phộc y na ma a lị-dạ
18. Phộc lộ chỉ ðể thấp-phộc la bán sử ðan nễ la kiến xá bé
19. Nǎng mǎng ngột lị ná gia
20. Ma vật-sắc ðả dĩ sử-dạ nhĩ
21. Tát ma tha ta ða kiến
22. Thú bạn a nhĩ diên
23. Tát ma bộ ðá nam
24. Ba phộc mặt nga vĩ thú ða kiếm
25. Đát nễ-dã tha
26. Án
27. A lộ kế a lộ ca mǎng ðể
28. Lộ ca ðể ngật-sái ðể hê hạ lệ a lị dạ
29. Phộc lộ chỉ ðể thấp-phộc la

30. Mãng hạ mạo địa tát đa phộc
31. Hề mạo địa tát đa phộc
32. Hề mẫng hạ mẫng địa tát đa phộc
33. Hề tỷ-lị dẫ mạo địa tát đa phộc
34. Hề mẫng hạ ca lữ nĩnh ca
35. Đồ mẫng la ngật-lị ná diên
36. Tứ tứ hạ lệ a lị gia
37. Phộc lộ chỉ đế thấp phộc la
38. Mẫng hề thấp-phộc la
39. Bả la mẫng đa-la chất đa
40. Mẫng hạ ca lữ nĩnh ca
41. Cự lữ cự lữ yết mẫng ta đại gia ta đại gia
42. Vĩ nễ diên
43. Ninh hề nhĩ hề đa phộc lan
44. Ca mẫng nga mẫng
45. Vĩ hẫng nga mẫng vĩ nga mẫng tát đà dụ nghi thấp-phộc la
46. Đồ lô đồ lô vĩ diễn đề
47. Mẫng hạ vĩ diễn đề
48. Đà la đà la đạt lệ ẩn-niết lệ tự thấp phộc la
49. Tả la tả la vĩ mẫng la vĩ mẫng la
50. A lị dạ
51. Phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la
52. Nhĩ nẫng ngật-lị sử-noa

53. Nhạ tra mãng cự tra
54. Phộc lam ma bả-la lam ma vĩ lam ma
55. Mãng hạ đồ đà vĩ nễ-dạ đà la
56. Bá la bá la mãng hạ bá la
57. Ma la ma la mãng hạ ma la
58. Tả la tả la mãng hạ tả la
59. Ngột-lị sử-noa vật-lật noa nễ lật già
60. Ngột-lị sử-noa bả khát-sái nê già đá nễng
61. Hề bả ná-mãng hạ đồ la
62. Tả la tả la nĩnh xá tả lệ thấp-phộc la
63. Ngột-lật sử-noa tát la bả ngật-lị đã dã nhĩ-dụ bả vĩ đa
64. Ế hề hề mãng hạ phộc la hạ mẫu khur
65. Đát-lị bồ la ná hạ nĩnh thấp-phộc la
66. Nễng la dã noa phộc lộ bả
67. Phộc la mặt nga a lị hề nĩnh la kiến tha hề ma hạ ca la
68. Hạ la hạ la
69. Vĩ sa nê nhĩ đá độ ca tả
70. La nga vĩ sa vĩ nễng xả nễng
71. Na-vị sa vĩ sa vĩ nễng xả nễng
72. Mộ hạ vĩ sa vĩ nễng xả nễng
73. Hộ lỗ hộ lỗ Mãng la hộ lỗ hạ lệ
74. Mãng hạ bả na-mãng nễng bà
75. Tát la tát la

76. Đò lị ðò lị
77. Tô lổ tô lổ
78. Mẩu lổ mẩu lổ
79. Mẩu ðịa ðã mẩu ðịa ðã
80. Mạo ðại-ðã mạo ðại ðã
81. Nhĩ ðế
82. Nễ la kiến thá ế hê hê ma mãng tư-thể ða ðồ-ứng hạ mẩu khur
83. Hạ sa hạ sa
84. Muộn tả muộn tả
85. Mãng hạ tra tra hạ san
86. Ế hê hê mãng hạ tất ðà dụ nghệ thấp-phộc la
87. Sa noa sa noa phộc tế
88. Ta ðại gia ta ðại gia vĩ nễ-diên
89. ðồ mãng la ðồ mãng la
90. Chiêm bà nga mãn ðan lộ chỉ ða vĩ lộ chỉ ðan
91. Lộ kế thấp-phộc lan ðát tha nga ðan
92. Ná ná ê danh ná lị-xả nãng
93. Ca mãng tả na-lị xả nan
94. Bả-la cật-la ná gia mãng nãng sá hạ
95. Tất ða ðã sá hạ
96. Mãng hạ tất ða ðã sá hạ
97. Mãng hạ tất ða ðã sá hạ
98. Tất ða dụ nghệ thấp-phộc la gia sá hạ

99. Nễ la kiến xá gia sá hạ
100. Tát la hạ mẫu khư gia sá hạ
101. Mạng hạ ná la đồ ứng hạ mẫu khư gia sá hạ
102. Tát đà vĩ nễ-dạ đật la gia sá hạ
103. Bả na-mãng hạ tát-đát gia sá hạ
104. Ngật-lị sử-noa la ba ngật-lị dạ dã nhĩ-dụ bả vĩ đa gia sá hạ
105. Mãng hạ la cụ tra đà la gia sá hạ
106. Chiết yết la đừ đà gia sá hạ
107. Thảng khư nhiếp na nễ mạo đà năng gia sá hạ
108. Ma mãng tư-kiến đà vị sa tư-thê da
109. Ngật-lị sử-noa nhĩ năng gia sá hạ
110. Nhị-dạ khư-la chiết mãng nễ phộc sa năng gia sá hạ. Lộ kế thấp-phộc la gia sá hạ
111. Tát ma tát đệ thấp-phộc la gia sá hạ
112. Năng mộ bà nga phộc đế a lị-dạ phộc lộ chi đế thấp-phộc la gia mạo địa tát đát-phộc gia. Mãng hạ tát đát-phộc gia. Mãng hạ ca lỗ ninh ca gia.
113. Tát-điện đồ danh mẫn đa-la bả na gia sá hạ.

(THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

1_ 巧伏全阝氛仲伏

NAMO RÀNTATRAYÀYA

2_ 巧休玅淘

NAMAHĪ ĀRYĀ

3_向吐丁包鄔全伏

VALOKITE'SVARĀYA

4_回囚屹班伏

BODHISATTVĀYA

5_互扣屹班伏

MAHĀ SATVĀYA

6_互扣乙冰仗乙伏

MAHĀ KĀRUNĪKĀYA

7_屹楠向神巧

SARVA BANDHANA

8_据叨巧 一全伏

CCHEDANA KARĀYA

9_屹楠矛向

SARVA BHAVA

10_屹觜炎 鉏朽仕 一全伏

SAMUDRAMĪ SUKSĪANĪA KARĀYA

11_屹楠防囚

SARVA VYADHI

12_盲在互巧 一全伏

PRA'SAMANA KARĀYA

13_屹楨 凸抄 矛詭向

SARVE TITYU BHANDRAVA

14_合左在巧 一全伏

VINÀ'SANA KARÀYA

15_屹楠矛份侏

SARVA BHAYE SĪYO

16_氛仕一全伏

TRANĪA KARÀYA

17_凹細 巧互間班 秘巧交搜

TASMAI NAMA SKRĪTVÀ INAM ÀRYÀ

18_向吐丁包鄔先 矛如仟 市先入巴

VALOKITE'SVARA BHASĪITAMĪ NIRAKAMĪTĪA

19_左互 峇叨伏

NÀMA HRĪDAYA

20_互侶凹 秘塵亦

MABRATA ICCHYAMI

21_屹楔卉屹叻入

SARVÀTHA SADHAKAMĪ

22_圩圳挑元兇

'SUVAMĪ AJIYAMĪ

23_屹楠穴凹戊

SARVA BHUTANAMĪ

24_矛向 互絞 合圩益入

BHAVA MARGA VI'SUDDHAKAMĪ

25_凹滄卡

TADYATHÀ

26_漚

OMĪ

27_玅吐了 玅吐一 互凸

ÀLOKE ÀLOKA MATI

28_吐乙凸咋包旨成刑玅搜

LOKÀTÌ KRAMĪTE HE HARE ÀRYÀ

29_向吐丁包鄔先

VALOKITE'SVARA

30_互扣回囚屹玅

MAHÀ BODHI SATVA

31_旨 回囚屹玅

HE BODHI SATVA

32_旨 互扣回囚屹玅

HE MAHÀ BODHISATVA

33_旨 合搏回囚屹玅

HE VIRYA BODHISATVA

34_ 旨 互扣乙冰仗乙

HE MAHÀ KÀRUNĪKÀ

35_ 黎先 峇叻兇

SMĪRA HRĪDAYAMĪ

36_ 扛扛 成刑 玃淘

HI HI KARE ÀRYÀ

37_ 向吐丁包鄔先

LOKITE'SVARA

38_ 互旨鄔先

MAHE'SVARA

39_ 扔先互氛才柰

PARA MATRA CITTA

40_ 互扣 乙冰仗乙

MAHÀ KARUNĪKÀ

41_ 乃冰乃冰 一擦 屹叻伏 屹叻伏

KURU KURU KARMAMĪ SADHAYA SADHAYA

42_ 合擲

VIDDHYAMĪ

43_ 仗旨仗旨凹向劣

NĪIHE NĪIHE TAVARAMĪ

44_一伐 丫互

KAMAMĪ GAMA

45_合丫互 帆益 仰乞 鄔先

VIGAMA SIDDHA YUGE'SVARA

46_鉞冰鉞冰 合伏市

DHURU DHURU VIYANTI

47_互扣合伏市

MAHÀ VIYANTI

48_叻先叻先 叻刑 秘標 鄔先

DHARA DHARA DHARE IDRE'SVARA

49_弋匡弋匡 合互匡 互先

CALA CALA VIMALA MARA

50_抄搜

ÀRYÀ

51_向吐丁包 鄔先

VALOKITE'SVARA

52_元巧 郅穰

JINA KRĪSĪNĪ

53_介幻 互乃巴

JATĪÀ MAKUTĪA

54_向劣互 盲劣互 合劣互

VARAMĪMA PRARAMĪMA VIRAMĪMA

55_互扣 帆益 合改叻先

MAHÀ SIDDHA VIDYA DHARA

56_向先 向先 互扣向先

BARA BARA MAHA ABARA

57_向匡 向匡 互扣向匡

VALA VALA MAHA AVALA

58_弋先 弋先 互扣弋先

CARA CARA MAHA ACARA

59_郛穰 宕仕 叵鞞

KRĪSĪNĪ VRĪNĪA DĪRGHA

60_郛穰 扔朽 叵鞞凹巧

KRĪSĪNĪ PAKSĪA DĪRGHATANA

61_旨 扔痧成翁

HE PADMA HASTI

62_弋先 弋先 司在 弋同郛先

CARA CARA DI'SA CALE'SVARA

63_郛穰 屹先 扔郛凹伏 吝扔合凹

KRĪSĪNĪ SARA PAKRĪTAYA JYOPAVITA

64_琬鉉旨 互扣 向先成 觜几

EHYEHI MAHÀ VARAHA MUKHA

65_注齧先 叨成弁 鄔先

TRIPÙRA DAHANE'SVARA

66_巧先伏仕 向冰扔

NARAYANĪA VARUPA

67_向先 互絞 挑共 旨 市先入巴 旨 互扣乙先

VARA MARGA ARI HE NIRAKAMĪTĪA HE MAHÀ KÀRA

68_成先 成先

HARA HARA

69_合好 市蛛凹 吐一兩

VISĪA NIRJITA LOKA SYA

70_全丫 合好 合左在巧

RÀGA VISĪA VINÀ'SANA

71_盞好 合好 合左在巧

DVISĪA VISĪA VINÀ'SANA

72_觜成 合好 合左在巧

MUHA VISĪA VINÀ'SANA

73_鄭吉 鄭吉 互先 鄭吉 成同

HULU HULU MARA HULU HALE

74_互扣 扔痧 左矛

MAHÀ PADMA NÀBHA

75_屹先 屹先

SARA SARA

76_帆共 帆共

SIRI SIRI

77_鉏冰 鉏冰

SURU SURU

78_觜冰 觜冰

MURU MURU

79_后肆 后肆

BUDDHYA BHUDDYA

80_回益伏 回益伏

BODDHAYA BODDHAYA

81_伊包

MAITE

82_市先入巴 琿鉦旨 互互 笋凹 璋成 觜几

NIRAKAMĪTĪA EHYEHY MAMA STHITA SYIMĪHA MUKHA

83_成屹 成屹

HASA HASA

84_彈弋 彈弋

MUMĪCA MUMĪCA

85_互扣 幻巴 成戌

MAHÀ TĪĀTĪA HASAMĪ

86_琺鉉旨 正 互扣 帆益 仰乞 鄔先

EHYEHY PAMĪ MAHÀ SIDDHA YUGE ‘SVARA

87_屹仕 屹仕 名中

SANĪA SANĪA VĀCE

88_屹叻伏 屹叻伏 合攏

SADHAYA SADHAYA VIDHYAMĪ

89_紮先 統先

SMĪRA SMĪRA

90_奸 矛 丫 圳 仟 吐 丁 凹 合 吐 丁 仟

‘SAMĪ BHAGAVAMĪ TAMĪ LOKITA VILOKITAMĪ

91_吐了 鄔劣 凹 卡 丫 凹

LOKE’SVARAMĪ TATHĀGATA

92_叨叨旨 伙 叨 嚮 巧

DADĀHEME DAR’SANA

93_一 互 兩 叨 嚮 戌

KAMA SYA DAR’SANAMĪ

94_盲 咒 叨 伏 互 巧 送 扣

PRAKRADAYA MANA SVĀHĀ

95_帆盞伏送扣

SIDDHĀYA SVĀHĀ

96_互扣帆盞伏送扣

MAHĀ SIDDHĀYA SVĀHĀ

97_互扣帆盞伏送扣

MAHĀ SIDDHĀYA SVĀHĀ

98_帆盞仰乞鄔先伏送扣

SIDDHĀ YUGE 'SVARA SVĀHĀ

99_市先入巴伏送扣

NIRAKAMĪTĪAYA SVĀHĀ

100_向全成觜刀伏送扣

VARĀHA MUKHĀYA SVĀHĀ

101_互扣叨先璋成觜几伏送扣

MAHĀ DARĀ SYIMĪHA MUKHAYA SVĀHĀ

102_帆益合肆叻先伏送扣

SIDDHA VIDDHAYA DHARAYA SVĀHĀ

103_扔痧成紆伏送扣

PADMA HASTAYA SVĀHĀ

104_郗穰屹塑郗杞伏吝扔合凹伏送扣

KRĪSĪNĪ SARPA KRĪDHAYA JYOPAVITAYA SVĀHĀ

105_互扣 匡邠巴 叻全伏 送扣

MAHÀ LAKUTĪA DHARÀYA SVÀHÀ

106_弋咒 仰叻伏 送扣

CAKRA YUDHAYA SVÀHÀ

107_在圣 在芩市 回益左伏 送扣

‘SANKHA ‘SABDANI BODDHANÀYA SVÀHÀ

108_互互 韶詭 合好 笋凹

MAMA SKANDRA VISĪA STHITA

109_邠穰 元左伏 送扣

KRĪSĪNĪI JINÀYA SVÀHÀ

110_阮姍 弋互市 向屹左伏 送扣_吐了邠全伏 送扣

VYÀGHRA CAMANI VASANÀYA SVÀHÀ – LOKE’SVARÀYA SVÀHÀ

111_屹楠 帆眨邠先伏 送扣

SARVA SIDDHE‘SVARAYA SVÀHÀ

112_巧伏 矛丫向包 玅搜向吐丁包邠全伏 回囚屹班 互扣屹班伏 互扣 乙刎仗乙伏

NAMO BHAGAVATE ÀRYÀVALOKITE’SVARÀYA - BODDHISATTVÀYA
MAHÀ SATVÀYA - MAHÀ KÀRONĪKÀYA

113_帆肆嚙 伙向傲 扔叨伏 送扣

SIDDHYANTU ME VANTRA PADÀYA SVÀHÀ

01/04/1997

---o0o---

Mật Tạng Bộ 3_ No.1064 (Tr.115_ Tr.119)

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỔ TÁT

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Hán dịch : Đồi Đường_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG

Việt dịch : HUYỀN THANH

Phục hồi Phạn Chú : HUYỀN THANH

Cúi lậy Quán Âm Đại Bi Chủ

Nguyện lực rộng sâu thân tướng đẹp

Ngàn tay trang nghiêm hộ trì khắp

Ngàn mắt quang minh chiếu mọi nơi

Trong lời chân thật diễn MẬT NGỮ

Trong Tâm Vô Vi khởi TÂM BI

Mau khiến đầy đủ các nguyện cầu

Vĩnh viễn diệt trừ các Nghiệp Tội

Trời, Rồng, Chúng Thánh đồng TỪ HỘ

Trăm ngàn Tam Muội đều Huân Tu

Thân Thọ Trì là Phướng Quang Minh

Tâm Thọ Trì là Tạng Thần Thông

Rửa sạch trần lao qua biển khổ

Mau chứng Bồ Đề, môn phương tiện

Nay con xung tưng, thế Quy Y

Nguyện ước theo Tâm , mau viên mãn

_ Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau biết tất cả Pháp

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm được mắt Trí Tuệ

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau độ tất cả Chúng

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm được phương tiện khéo

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau ngồi thuyền Bát Nhã

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm được qua biển khổ

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau được Đạo Giới Định

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm lên núi Niết Bàn

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau gặp nhà Vô Vi

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm đồng Thân Pháp Tính

_ Nếu con hương non Đào

Non Đào tự sụp đổ

Nếu hương lửa, nước sôi

Nước khô, lửa tự tắt

Nếu con hương Địa Ngục

Địa Ngục mau tiêu diệt

Nếu con hương Ngã Quỷ

Quỷ đói liền no đủ

Nếu con hương Tu La

Tâm ác tự điều phục

Nếu con hương Súc Sinh

Chúng được Trí Tuệ lớn

Phát nguyện đó xong, chí tâm xưng niệm danh tự của TA, cũng nên chuyên niệm Bản Sư của Ta là Đức A DI ĐÀ Như Lai. Sau đó liền nên tụng ĐÀ LA NI THẦN CHÚ này . Một đêm (hay một hạn định) tụng đủ 5 biến sẽ trừ diệt được tội nặng sinh tử nơi trăm ngàn vạn ức kiếp đã có trong thân

“ Nam mô A DI ĐÀ Như Lai

Nam mô QUÁN THẾ ÂM Bồ Tát Ma Ha Tát “

_ Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch với Đức Phật rằng :” Thế Tôn ! Nếu các hàng Trời, Người tụng trì ĐẠI BI CHUÔNG CÚ thì lúc mệnh chung , chư Phật mười phương đều đến trao tay. Muốn sinh về cõi Phật nào thì tùy nguyện đều được vãng sinh ”

_ Lại bạch Phật rằng :” Thế Tôn ! Nếu có chúng sinh nào tụng trì ĐẠI BI THẦN CHÚ mà bị đọa vào 3 nẻo ác thì con thề chẳng thành Chính Giác

Người tụng trì ĐẠI BI THẦN CHÚ , nếu chẳng sinh về các cõi Phật thì con thề chẳng thành Chính Giác

Người tụng trì ĐẠI BI THẦN CHÚ, nếu Tâm chẳng được vô lượng Tam Muội Biện Tài thì con thề chẳng thành Chính Giác

Người tụng trì ĐẠI BI THẦN CHÚ ở trong đời hiện tại, nếu tất cả sự mong ước chẳng được thành quả thì (Bài Chú này)chẳng xứng đáng với tên gọi là ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI. Chỉ trừ kẻ Bất thiện chẳng có tâm chí thành

Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, muốn được thành nam tử. Tụng trì ĐẠI BI ĐÀ LA NI CHUÔNG CÚ mà chẳng chuyển thân nữ thành thân nam thì con thề chẳng thành Chính Giác. Chỉ trừ kẻ nào sinh chút tâm nghi ngờ ắt chẳng được quả vừa ý

Nếu các chúng sinh xâm phạm làm tổn hại tài vật , thức ăn uống của THƯỜNG TRỤ ắt Ngân Đức Phật ra đời cũng chẳng thể thông sám hối , giả sử có hay sám hối thì cũng chẳng trừ diệt tội đó được. Nhưng nếu ngày nay tụng ĐẠI BI THẦN CHÚ ắt liền được trừ diệt mọi tội

Nếu xâm phạm làm tổn hại, ăn, dùng : tài vật , thức ăn uống của THƯỜNG TRỤ . Cần yếu là đối trước vị THẦY ở mười phương sám hối xong thì bắt đầu trừ diệt. Nay tụng ĐẠI BI ĐÀ LA NI thì chư Phật mười phương liền đến vì người đó mà tác chứng minh, ắt tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt. Tất cả nghiệp ác, tội nặng như : 10 Ác, 5 Nghịch, phi báng người, phi báng Pháp, phá Tế, phá Giới, phá Thập, hủy hoại Chùa, trộm cướp của Tăng Kỳ, làm ô nhiễm người Phạm Hạnh, cưỡng bức người trong sạch... đều được trừ diệt hết. Ngoại trừ một điều là đối với chúng sinh có tâm nghi ngờ thì cho dù tội nhỏ, nghiệp nhẹ cũng chẳng diệt được huống chi là tội nặng. Có điều tuy chẳng diệt ngay tội nặng nhưng do nhân này ắt sẽ mau gieo được NHÂN BỒ ĐỀ

_ Lại bạch Phật rằng :” Thế Tôn ! Nếu có hàng Trời , Người tụng trì ĐẠI BI TÂM CHÚ này sẽ được 15 loại Thiện Sinh, chẳng bị 15 loại Ác Tử (chết ác)

15 loại ÁC TỬ chẳng bị vướng là :

- 1) Chẳng để cho người ấy bị chết khổ vì nhân đói khát
- 2) Chẳng bị chết về gông cùm, gậy gộc, cấm đoán
- 3) Chẳng bị chết bởi oan gia đối địch
- 4) Chẳng bị chết vì quân trận chém giết

- 5) Chẳng bị chết vì cọp, sói, thú ác hãm hại
- 6) Chẳng bị chết vì rắn độc, rắn rít cắn trúng
- 7) Chẳng bị chết vì lửa thiêu, nước cuốn
- 8) Chẳng bị chết vì trúng thuốc độc
- 9) Chẳng bị chết vì Trùng độc làm hại
- 10) Chẳng bị chết vì điên loạn mất trí
- 11) Chẳng bị chết vì té rớt nơi cây cao, vách núi
- 12) Chẳng bị chết vì Yểm My của người ác
- 13) Chẳng bị chết vì Tà Thần, Quỷ ác hãm hại
- 14) Chẳng bị chết vì thân bệnh hoạn
- 15) Chẳng bị chết vì chẳng đúng phân mà tự hại

Người tụng tri ĐÀI BI THẦN CHÚ này chẳng bị chết vì 15 thứ ÁC TỬ như vậy đồng thời được 15 loại Thiên Sinh là :

- 1) Nơi sinh ra thường gặp vị vua hiền
- 2) Thường sinh ở đất nước hiền lành
- 3) Thường gặp thời tốt
- 4) Thường gặp bạn lành
- 5) Thường được đầy đủ thân căn
- 6) Tâm Đạo thuần thực
- 7) Chẳng phạm Cấm Giới
- 8) Có được quyền thuộc nhân nghĩa hòa thuận
- 9) Vận dụng tiền của thường được đầy đủ
- 10) Được người khác cung kính giúp đỡ
- 11) Bao nhiêu tài vật có được không bị người khác cướp đoạt

12) Ý mong cầu đều được toại nguyện

13) Trời, Rồng, Thiện Thần luôn luôn ủng hộ

14) Nơi sinh ra được gặp Phật nghe Pháp

15) Bao nhiêu Chính Pháp nghe được đều ngộ nghĩa Thâm Sâu

Nếu có người tụng trì ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI sẽ được 15 loại THIỆN SINH như vậy cho nên tất cả Trời, Người hãy thường tụng trì đừng sinh lòng biếng “

Quán Thế Âm Bồ Tát nói lời đó xong, Ở trước Chúng Hội, chấp tay đứng thẳng , khởi Tâm Đại Bi đối với chúng rồi rồi nở dung mạo mỉm cười, liền nói QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI THẦN DIỆU CHƯƠNG CÚ như vậy

Đà La Ni là :

1) 巧伏 先寒氛仲伏

Nam mô hạt la đất ná đá la dạ gia

* NAMO RATNATRAYÀYA

Đây là Bản Thân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Đại Bi, dùng Tâm đọc tụng, dùng cao giọng mà Thần Tính ẩn mất

2) 巧休 玅洵

Nam mô a lị gia

* NAMAHI ÀRYA

Đây là Bản Thân Như Ý Luân Bồ Tát. Đến đây nên giữ gìn Tâm

3) 向吐丁包鄔全伏

Bà lô yết đế thước bát la gia

* AVALOKITE'SVARÀYA

Đây là Bản Thân TRÌ BÁT QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT . Nếu muốn lấy xương cốt Xá Lợi. Tụng đây, giữ gìn ý, tưởng Bồ Tát cầm cái bát

4) 回囚 屹班伏

Bồ đề tát đỏa bà gia

* BODHISATVÀYA

Đây là Bất Không Quyển Sách Bồ Tát, áp lĩnh đại binh

5) 互扣 屹班伏

Ma ha tát đỏa bà gia

* MAHÀ SATVÀYA

Đây là Chủng Tử của Bồ Tát. Tự tụng Bản Thân của Chú vậy

6) 互扣 乙冰仗 乙伏

Ma ha ca lô ni ca gia

* MAHÀ KÀRUNĪKÀYA

Đây là Bản Thân Mã Đầu Bồ Tát, tay cầm Bạt Chiết La

7) 隅

Án

* OMĪ

Chữ ÁN này là các Quỷ Thần chấp tay chân thành tụng Chú

8) 屹楠 先矛份

Tát bà la phạt duệ

* SARVA RABHAYEI

Đây là Bản Thân 4 Đại Thiên Vương giáng Ma

9) 圩益 左叨併

Số đất na đất tả

* 'SUDHANÀDASĪYA

Đây là danh tự của Bộ Lạc Quỷ Thần thuộc 4 Đại Thiên Vương

10) 巧互聞茲 秘伐 玅洵

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a lị gia

* NAMA SKRĪTVAN IMAMĪ ÀRYA

Đây là Bản Thân Long Thọ Bồ Tát. Tâm tụng đây đừng gấp mà tính Bồ Tát ẩn đi

11) 向吐丁包鄔先 吋凹矛

Bà lô cát đế thất phật ra lãng đà bà

AVALOKITE'SVARA LAMĪTABHA

Đây là Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật

12) 巧伏 布匡一枋

Nam mô na la cần trì

* NAMO NĪLAKANĪTĪHA

Đây là Bản Thân Thanh Tĩnh Pháp Thân Tỳ Lô Xá Na Phật. Rất cần tụng Tâm

13) 崖 互扣 扔凹在亦

Hê lị ma ha bàn đá sa mế

* HRĪ MAHÀ PATA'SAMI

Đây là Dương Đầu Thần Vương (Vị Thần đầu Dê) cộng với các Thiên Ma làm quyền thuộc

14) 屹楞卉 掷 圩瓦

Tát bà a tha, đậu thâu bằng

* SARVÀTHA DU 'SUPHAMĪ

Đây là Cam Lộ Bồ Tát cũng là Bộ Lạc của Quán Thế Âm Bồ Tát dùng làm Quyển Thuộc

15) 獠元兇

A thê dựng

* AJIYAMĪ

Đây là Phi Đằng Dạ Xoa Thiên Vương xem xét điều thị phi ở 4 phương

16) 屹楠 屹兹 巧互 矛丫

Tát bà tát đá na ma bà già

* SARVA SATVA NAMA BHAGA

Đây là Bà Giá Đế Thần Vương dùng da Hươu làm quần

17) 交 矢凸 揸

Ma phạt đặc đậu

* MÀ BHÀTI DU

Đây là Bản Thân Quân Trà Lợi Bồ Tát có 3 con mắt

18) 凹滄卡

Đát diệt tha

* TADYATHÀ

Đây là Kiếm Ngũ

19) 馮 獠向吐丁

Án , A bà lô hê

* OMĪ_ AVALOKI

20) 吐一包

Lô ca đế

* LOKATE

Đây là Bản Thân Đại Phạm Thiên Vương có Thần Tiên làm Bộ Lạc

21) 一匡凸

Ca la đế

* KALATI

Đây là Đế Thần có thân dài lớn màu đen

22) 珂 旨猥

Di hê lị

* I HELIHĪ

Đây là Tam Thập Tam Thiên, Ma Hê Thủ La Thiên Thần thống lĩnh Thiên Binh có thân màu xanh

23) 互扣 回囚屹兹

Ma ha bồ đề tát đỏa

* MAHÀ BODHISATVA

Đây là CHÂN TÂM , tức không có tâm tán loạn, liền gọi là Tát Đỏa

24) 屹楠 屹楠

Tát bà tát bà

* SARVA SARVA

Đây là Hương Tích Bồ Tát áp linh làm tùy tòng chẳng thể tư nghị

25) 互匡 互匡

Ma la ma la

* MALA MALA

Đây là Bồ Tát cùng lời tụng liền làm cứu tế

26) 互并 互并 崖叨兇

Ma hê ma hê lị đà dưng

* MA'SÌ MA'SÌ HRĪDAYAMĪ

(Giống như câu trên)

27) 乃冰 乃冰 一搽

Câu lô câu lô yết môn

* KURU KURU KARMAMĪ

Đây là Không Thân Bồ Tát áp lĩnh 20 vạn ức Thiên Binh

28) 加冰 加冰 矛如 伏凸

Độ lô độ lô phạt xà gia đế

* TURU TURU BHASĪYATI

Đây là Bát Nhã Bồ Tát , Phong Vương (Ong chúa) biên binh

29) 互扣 矛如 伏凸

Ma ha phạt xà gia đế

* MAHÀ BHASĪYATI

(Giống như câu trước)

30) 四先 四先

Đà la đà la

* DHÀRA DHÀRA

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát hiển thân Đại Trượng Phu

31) 囚共仗

Địa lị ni

* DHIRINĪ

Đây là Sư Tử Vương Bình, đọc tụng linh nghiệm

32) 珂郛全伏

Thất phật la gia

* I'SVARĀYA

Đây là Tích Lịch Bồ Tát giảng phục Quyển Thuộc của các Ma

33) 弋匡 弋匡

Giá la giá la

* CALA CALA

Đây là Bản Thân Tồi Toái Bồ Tát, tay cầm Kim Cương

34) 𑖀𑖀

Ma ma

* MAMA

Con, họ tên... thọ trì

𑖀𑖀

VIMALA

Đây là Bản Thân Đại Hàng Ma Kim Cương cầm bánh xe Kim Cương (Kim Cương Luân)

35) 𑖀𑖀

Mục đế lệ

* MUKTE

Đây là chư Phật chấp tay chân thành tụng Chân Ngôn

36) 琿鉗扛

Y hê di hê

* EDHYEHI

Đây là Ma Hê Thủ La Thiên Vương

37) 圻巧 圻巧

Thất na thất na

* 'SINA 'SINA

Giống như câu trước

38) 狛先如 狛匡 在共

A la sâm phạt la xá lợi

* ARA'SIMĪ BHALA 'SARI

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát cầm cung tên Tỷ Noa

39) 狛她 狛如

Phạt xa phạt sâm

* BHA'SÀ BHA'SIMĪ

Giống như câu trước

40) 狛先 在伏

Phạt la xá gia

* BHARA 'SAYA

Đây là Bản Thân A Di Đà Phật , Sư Chủ của Quán Thế Âm Bồ Tát

41) 鄭吉 鄭吉 濃

Hô lô hô lô ma la

*) HULU HULU PRA

Đây là Tám Bộ Quỷ Thần Vương

42) 鄭吉 鄭吉 滌

Hô lô hô lô hê lị

* HULU HULU ‘SRÌ

Giống như câu trên

43) 屹先 屹先

Sa la sa la

* SARA SARA

Đây là cõi có 5 uế ác

44) 帆共 帆共

Tất lị tất lị

* SIRI SIRI

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát lợi ích cho Chúng Sinh chẳng thể tư nghị

45) 鋸冰 鋸冰

Tô rô tô rô

* SURU SURU

Đây là lá cây rơi của chư Phật

46) 后囚伏 后囚伏

Bồ đề dạ, bồ đề dạ

* BUDHIYA BUDHIYA

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát kết duyên với Chúng Sinh

47) 后盍伏 后盍伏

Bồ đà dạ, bồ đà dạ

* BUDDHÀYA BUDDHÀYA

Đây là Bản Thân A Nan

48) 伊注伏

Di đế lị dạ

* MAITRIYE

Đây là Đại Xa Bồ Tát, tay cầm cây đao vàng (Kim Đao)

49) 布匡一枒

Na la cần trì

* NĪLAKANĪTĪHA

Đây là Long Thọ Bồ Tát, tay cầm cây Đao vàng

50) 注在先仕

Tha lị sắt ni na

* TRI'SARANĪA

Đây là Bảo Tràng Bồ Tát cầm cây Thiết Xoa

51) 豸矛伏 互仕

Bà dạ ma na

* ABHAYA MANĪA

Đây là Kim Cương Tràng Bồ Tát cầm cái chày Bạt Chiết La

52) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

53) 帆盞伏

Tát đà dạ

* SIDDHIYA

Đây là đạt tất cả Pháp Môn

54) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

55) 互扣 帆盞伏

Ma ha tất đà dạ

* MAHÀ SIDDHIYA

Đây là Tán Quang Bồ Tát , tay cầm cây phướng đỏ

56) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

57) 帆盞 偈𠄎

Tát đà dụ nghệ

* SIDDHÀ YOGA

Đây là hết cả Chư Thiên Bồ Tát dùng tụ hợp, tay cầm cây Đao vàng

58) 珂郛全伏

Thất bàn la dạ

* I'SVARÀYA

Đây là An Tức Hương

59) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

60) 布匡一枒

Na la cần trì

* NÌLA KANĪTĪHI

Bản Thân Tiên Hải Tuệ Bồ Tát, tay cầm cây Kiếm vàng

61) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

62) 漚向全成 觜刀伏

Ma la ma la

* PRAVARÀHA MUKHÀYA

Đây là Bảo Ấn Vương Bồ Tát , tay cầm cây Búa vàng

63) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

64) 漚 鵬成 觜刀伏

Tất la tăng a mục khư gia

* 'SRÌ SIMĪHA MUKHÀYA

Đây là Bản Thân Dược Vương Bồ Tát , hành trị các bệnh

65) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

66) 屹楠 互扣 鬻榮伏

Sa bà ma ha a tát đà dạ

* SARVA MAHÀ MUKTÀYA

Đây là Bản Thân Dược Thượng Bồ Tát, hành trị các bệnh

67) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

68) 弋咆 仰四伏

Giả cát la a tát đà dạ

* CAKRÀ YUDHÀYA

Đồng thanh

69) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

70) 扔痧 成紉伏

Ba đà ma yết tát đà dạ

* PADMA HASTAYA

Đồng thanh

71) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

72) 布匡一枒 在全介

Na la cân trì bàn già la dạ

* NĪLAKANĪTĪHA ‘SAKHARÀJA

73) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

74) 交 向共 在咄全伏

Ma bà lị thẳng yết la dạ

* MÀ VARI ‘SANKARÀYA

75) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

76) 巧伏 先寒氛仲伏

Nam mô hạt la đát na đá la dạ gia

* NAMO RATNATRAYÀYA

77) 巧休 玅洵

Nam mô a lị gia

* NAMAHI ÆRYA

78) 向吐丁凹

Bà lô cát đế

* AVALOKITA

79) 珂鄔全伏

Thước bà la dạ

* I'SVARÀYA

80) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

81) 𨮒 帆盞 伏嗎

Aùn, Tát điệן đò

* OMÏ SIDHYANTU

82) 互傲

Mạn đá la

* MANTRA

83) 扔叨伏

Bạt đà gia

* PADÀYA

84) 送扣

遇 挑欸 吃刑 送扣

* OMĪ _ ACCHA VĪRE _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn sớm gặp bạn lành thì nên cầu nơi tay Bảo Tiên (Mũi tên báu) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Ca ma la_ Tát-phộc hạ “

遇 一互匡 送扣

* OMĪ _ KAMALA _ SVÀHÀ

_ Nếu mong cầu sinh lên các Trời Phạm Thiên thì nên cầu nơi tay Quân Trì Bình . Chân Ngôn là :

“Án_ Phộc nhật la thể khư la lỗ tra hàm tra “

𠵹 向忝 圪几先 先誑 互誑

* OMĪ _ VAJRA ‘SIKHARA RATĪ MATĪ

_ Nếu muốn trừ mọi thứ bệnh nạn trên thân thì cầu nơi tay Dương Liễu Chi . Chân Ngôn là :

“ Án_ Tô tất địa ca lị, phộc lị đá nẫm, đá mục đá duệ, phộc nhật la phộc nhật la, bạn đà hạ năng , hồng phán tra “

遇 鉏帆盞一共 向勤觥 屹觜滢份 向忝 向忝向神 成巧 成巧 猪 民誑

* OMĪ _ SUSIDDHI KARI, VARDHANĀMĪ SAMUKTĀYE VAJRA, VAJRA BANDHĀ , HANA HŪMĪ PHATĪ

_ Nếu muốn diệt trừ tất cả chướng nạn ác thì nên cầu nơi tay Bạch Phát . Chân Ngôn là :

“ Án_ Bát ná nhĩ ninh bà nga phộc đế, mô hạ đã, nhạ nga mô hạ ninh_ Tát-phộc hạ “

遇 扔市 矛丫向凸 伏成伏 伏成伏 介丫伏成市 送扣

* OMĪ _ PADMINĪ BHAGAVATE MOHAYA JAG AMOHANI _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn tất cả Quyển Thuộc khéo hòa hợp thì nên cầu nơi tay Hồ Bình . Chân Ngôn là :

“ Án_ Yết lệ thảm mãn diệm_ Tát-phộc hạ “

遇 一共 屹互兇 颯扣

* OMĪ_ KARI SAMAYAMĪ_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn tịch trừ tất cả cạp, sói, các loài thú ác thì nên cầu nơi tay Bàn Bài . Chân Ngôn là :

“ Án_ Dược các sam năng na dã , chiến nại la đạt nậu , bá lệ dã bá xả , bả xá_ Tát-phộc hạ “

遇 伏汙 左叨伏 弋汙先 四平 扔共伏扒在 扒在 送扣

* OMĪ_ YAKSĪAMĪ NĀDAYA CANĪDĪARA DHĀNU PĀRIYA PA'SA PA'SA_ SVÀHĀ

_ Nếu muốn ở tất cả thời, tất cả nơi xa lìa Quan nạn thì nên cầu nơi tay Việt Phủ (Cây Búa lớn) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Vị la dã , vị la dã _ Tát-phộc hạ “

遇 吃先伏 吃先伏 送扣

* OMĪ_ VĪRAYA VĪRAYA_ SVÀHĀ

_ Nếu muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần chẳng dám chống trái thì nên cầu nơi tay Độc Lâu Trưng (Cây gậy đầu lâu). Chân Ngôn là :

“ Án_ Độ năng phộc nhật la hách “

遇 鉞巧 向忝 有

* OMĪ_ DHUNA VAJRA HAHĪ

_ Nếu muốn 10 phương chư Phật mau đến trao tay thì nên cầu nơi tay Sô Châu . Chân Ngôn là :

“ Năng mô la đạt năng đạt la dạ dã_ Án_ A na bà đế, vĩ nhạ duệ, tất đà , tất đà lật thê_ Tát-phộc hạ “

巧伏 先寒氛仲伏 遇 挑巧 向凸 甩介份 帆益 帆盞飲 送扣

* NAMO RATNATRAYÀYA_OMĪ_ ANA VATI, VIJAYE SIDDHA,
SIDDHÀRTHE _SVÀHÀ

_ Nếu muốn giáng phục tất cả Vọng Lượng Quý Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Kiếm (cây kiếm báu) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Đê thê đê nhạ , đồ vĩ, ninh đồ đề, ba đà dã, hồng phán tra “

馮 包兮 包介 鉞合 市鉞凸 州叻伏 猪 民誑

* OMĪ_ TEJE TEJA DHUVI NIDHUTI SÀDHAYA HÙMĪ PHATĪ

_ Nếu muốn tòi phục tất cả oán đối thù địch , nên cầu nơi tay Kim Cương Xử . Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc nhật la kỳ nãnh , bát la nễ bát đa dã_ Tát-phộc hạ “

馮 向忝 豸蚱 盲叵揖伏 送扣

* OMĪ_ VAJRA AGNI PRADÌPTAYA _SVÀHÀ

_ Nếu muốn Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ thì nên cầu nơi tay Câu Chi Thiết Câu . Chân Ngôn là :

“Án_ A cốt lệ la ca la tỳ sa duệ , năng mô,tát-phộc hạ “

馮 豸呢叻 乙先 合好份 巧伏 送扣

* OMĪ_ AKRODHA KÀRA VISĪAYE NAMO_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn vì Từ Bi muốn che giúp tất cả Chúng Sinh thì nên cầu nơi tay Thiết Trụợng . Chân Ngôn là :

“ Án_ Na lật trí, na lật trí, na lật tra bát đề, na lật đê ná dạ bát ninh, hồng phán tra”

馮 拂廿 拂廿 拂巴扔凸 拂忸扒仗 猪 民誑

* OMĪ_ NRĪTĪ NRĪTĪ NRĪTĪAPATI NRĪTYAPANĪ HÙMĪ PHATĪ

_ Nếu muốn cầu mọi loại Công Đức thì nên cầu nơi tay Bạch Liên Hoa (Hoa Sen trắng) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc nhật la vi la dã_ Tát-Phộc hạ “

馮 向忝 吃先伏 送扣

* OMĪ_VAJRA VĪRAYA_SVÀHÀ

_ Nếu mong cầu sinh về 10 phương Tĩnh Thổ thì nên cầu nơi tay Thanh Liên Hoa . (Hoa Sen xanh). Chân Ngôn là :

“ Án_ chỉ lị chỉ lị, phộc nhật la bộ la ban đà, hồng phán tra “

馮 一印 一印 向忝 穴楠神 猪 民誑

* OMĪ_KILI KILI , VAJRA BHÙR BANDHA HÙMĪ PHATĪ

_ Nếu muốn diện kiến tất cả 10 phương chư Phật thì nên cầu nơi tay Tử Liên Hoa (Hoa Sen tím) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Tát la tát la , phộc nhật la ca la, hồng phán tra “

馮 屹先 屹先 向忝乙全 猪 民誑

* OMĪ_SARA SARA VAJRA KÀRÀ HÙMĪ PHATĪ

_ Nếu mong cầu sinh về các Cung Trời thì nên cầu nơi tay Hồng Liên Hoa (Hoa Sen hồng). Chân Ngôn là :

“ Án_ Thương yết lệ_ Tát-phộc hạ “

馮 戌一刑 送扣

* OMĪ_SAMĪKARE _SVÀHÀ

_ Nếu muốn thành tựu Trí Tuệ rộng lớn thì nên cầu nơi tay Bảo Kính (cái gương báu) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Vĩ tát phổ la na la các xoa, phộc nhật la man trà la, hồng phán tra “

馮 合隴先治朽 向忝 互沏匡 猪 民誑

* OMĪ_VISPHURAD RAKSĪA VAJRA MANĪDĪALA HÙMĪ PHATĪ

_ Nếu muốn thành tựu miệng nói , biện luận hay khéo thì nên cầu nơi tay Bảo Ấn . Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc nhật la nãnh đảm nhạ duê _ Tát-phộc hạ “

遇 向忝 元仟 介份 送扣

* OMĪ_ VAJRA JITAMĪ JAYE_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn 10 phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký thì nên cầu nơi tay Đỉnh Thượng Hóa Phật . Chân Ngôn là :

“Án_ Phộc Nhật la vĩ phộc nhật lãnh nghệ,tát-phộc hạ“

遇 向忝 向怪乞 送扣

* OMĪ_ VAJRA VIHĪ , VAJRAMĪGE_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn khiến cho tất cả Quỷ ,Thần, Rồng, Rắn, Cọp ,Sói Sư Tử, Người, Phi Nhân thường cung kính yêu nhớ nhau thì nên cầu nơi tay Hợp Chủng . Chân Ngôn là :

“ Án_ Vĩ tát la, vĩ tát la, hồng phán tra “

遇 合屹先 合屹先 猪 民誑

* OMĪ_ VISARA VISARA HÙMĪ PHATĪ

(Thiên Thủ Kinh ghi nhận câu Chú khác là :

“ Án_ Bát nạp nhạ lãnh hất lị “

遇 扔痧介銃猿

OMĪ_ PADMA JALIMĪ_ HRĪHĪ)

_ Nếu mong cầu mọi loại kho tàng trong lòng đất thì nên cầu nơi tay Bảo Khiếp (cái rương báu) . ChânNgôn là :

“ Án_ Phộc nhật la bá thiết ca lị yết nãnh hàm la hồng “

遇 向忝 扒多一共 一巧一交匡 猪

* OMĪ_ VAJRAPÀ'SE KARI KANAKAMÀLÀ HÙMĪ

_ Nếu muốn mau thành tựu Tiên Đạo thì nên cầu nơi tay Ngũ Sắc Vân (đám mây năm màu). Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc nhật la ca lị la tra hàm tra “

𨮒 向忝一共 先誑 互誑

* OMĪ_VAJRA KARI RATĪ MATĪ

_ Nếu muốn tịch trừ kẻ nghịch tặc oán địch ở địa phương thì nên cầu nơi tay Bảo Kích (cây kích báu). Chân Ngôn là :

“ Án_ Thâm muội dã kỳ nãnh hạ lị , hồng phán tra “

𨮒 屹互伏 狛蚱 扣刑 猪 民誑

* OMĪ_SAMAYA AGNI HÀRE HÙMĪ PHATĪ

_ Nếu muốn hô triệu (kêu gọi) tất cả chư Thiên , Thiện Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Loa (cái loa báu). Chân Ngôn là :

“ Án_ Thương yết lệ , ma hạ thâm mãn diệm_ Tát-phộc hạ “

𨮒 戍一刑 互扣 屹屹兇 送扣

OMĪ_SAMĪKARE MAHÀ SAMAYAMĪ_SVÀHÀ

_ Nếu muốn cầu giàu có, mọi loại trân bảo vật dụng thì nên cầu nơi tay Như Ý Bảo Châu. Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc Nhật La phộc đá la, hồng phán tra “

𨮒 向忝 扔氛 猪 民誑

* OMĪ_VAJRA PATRA HÙMĪ PHATĪ

_ Nếu muốn mọi thứ bất an trở thành điều an ổn thì nên cầu nơi tay Quyển Sách (Sợi dây to). Chân Ngôn là :

“ Án_ Chi lị lã mô nại la, hồng phán tra “

𨮒 丁印 先先 別治 猪 民誑

* OMĪ_KILI RARA RAUDRA HÙMĪ PHATĪ

* OMĪ_CANDRĀBHĀ MANĪDĪALI KALINA GRĪHNĪA GRĪHNĪI HŪMĪ PHATĪ

_ Nếu muốn đời đời kiếp kiếp ở trong Cung Điện của Phật, chẳng ở trong bào thai để thọ thân người thì nên cầu nơi tay Hóa Cung Điện. Chân Ngôn là :

“ Án_ Vĩ tát la, vĩ tát la, hồng phán tra “

遇 合屹先 合屹先 猪 民誑

* OMĪ_VISARA VISARA HŪMĪ PHATĪ

_ Nếu muốn thông minh, nghe nhiều học rộng chẳng quên mất thì nên cầu nơi tay Bảo Kinh (Quyển Kinh báu) Chân Ngôn là :

“ Án_ A hạ la tát la phộc vĩ nễ đã đà la, bô nễ đế_ Tát phộc hạ “

遇 玅成先 屹楠 合滄四先 鬻元包 送扣

* OMĪ_ĀHARA SARVA VIDYADHĀRA PŪJITE_SVĀHĀ

_ Nếu muốn từ thân này cho đến được Phật Thân chẳng bị thoái chuyển Tâm Bồ Đề thì nên cầu nơi tay Kim Luân (Bánh xe vàng) Chân Ngôn là :

“ Án_ Thiết na_ Tát phộc hạ “

遇 圪巧 伙併 送扣

* OMĪ_‘SINA MESĪYA_SVĀHĀ

_ Nếu muốn có được quả trái, các thứ lúa gạo thì nên cầu nơi tay Bồ Đào. Chân Ngôn là :

“ Án_ A ma la kiến đế nễ nãnh_ Tát phộc hạ “

遇 挑互匡入 包兮仗 送扣

* OMĪ_AMALAKAMĪ TEJENĪ_SVĀHĀ

Quán Thế Âm Bồ Tát nói Chú này xong thì Đại Địa chấn động theo 6 cách. Trời tuôn mưa hoa báu phơi phơi rơi xuống, 10 phương chư Phật thấy đều vui vẻ. Thiên Ma, Ngoại Đạo sợ hãi khiến lông tóc dựng đứng. Tất cả Chúng Hội đều được Quả Chứng hoặc được quả Tu Đà Hoàn, hoặc được quả Tư Đà Hàm, hoặc được quả A Na Hàm, hoặc được quả

A Na Hàm, hoặc được quả A La Hán, hoặc được Nhất Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa cho đến Thập Địa. Vô lượng chúng sinh phát Tâm Bồ Đề

ĐẠI BI ĐÀ LA NI KINH VÀ CHÚ (Hết)

19/07/2006

---o0o---
Hết